

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỬ NHÂN SƯ PHẠM LỊCH SỬ**

(Kèm theo Quyết định số 2353/QĐ-ĐHSP ngày 26 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên)

I. Mô tả chương trình đào tạo

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học cử nhân sư phạm Lịch sử được điều chỉnh năm 2024 nhằm mục đích phát triển một số ngành đào tạo của trường đại học sư phạm đạt tiêu chuẩn quốc gia; nâng cao chất lượng đào tạo đại học, đáp ứng yêu cầu đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục Việt Nam.

Chương trình đào tạo đại học cử nhân sư phạm Lịch sử được kế thừa từ chương trình đào tạo sư phạm Lịch sử trước đó và được bổ sung, phát triển để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục phổ thông. Các môn học chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học cử nhân sư phạm Lịch sử đều được giảng dạy bởi các giảng viên có trình độ của Khoa Lịch sử.

Khoa Lịch sử không ngừng cải tiến và phát triển về cơ sở vật chất cũng như các hoạt động giáo dục và nghiên cứu nhằm đáp ứng các nhu cầu khác nhau của lĩnh vực Lịch sử. Khoa Lịch sử đã và đang cung cấp, tạo dựng cho người học môi trường giáo dục toàn diện cả về mặt lý thuyết và thực tế, khuyến khích người học học tập tích cực, chủ động, sáng tạo và hợp tác.

2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Anh)	Bachelor of History Education
Mã ngành đào tạo	7140218
Trường cấp bằng	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên
Tên gọi văn bằng	Cử nhân
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	129
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	- Đối tượng tuyển thẳng là học sinh trung học phổ thông đạt giải quốc gia, quốc tế. - Kết quả xét tốt nghiệp THPT quốc gia của thí sinh lấy điểm từ cao xuống thấp. - Tuyển sinh trên toàn quốc.
Thang điểm đánh giá	10
Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của

Ch. An

	chương trình đào tạo: 129 tín chỉ. - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên. - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất. - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ. - Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin.
Vị trí việc làm	- Giáo viên dạy môn Lịch sử ở trường trung học phổ thông, các trường Đại học, Cao đẳng, trường Chính trị Tỉnh, Trung tâm Lý luận Chính trị huyện, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề. - Giáo viên dạy môn Lịch sử - Đại lý; môn Giáo dục công dân ở trường trung học cơ sở (sau khi có bằng đại học thứ hai ngành Sư phạm Địa lý hoặc ngành Giáo dục công dân). - Cán bộ chuyên môn của các phòng Giáo dục, Sở Giáo dục và Đào tạo, cán bộ nghiên cứu tại các Viện nghiên cứu Lịch sử, Khoa học Xã hội và Nhân văn. - Chuyên viên các cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đoàn thể và tổ chức xã hội có sử dụng kiến thức lịch sử như: Ban Tuyên giáo, Ban Dân tộc Tôn giáo, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng, Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Ngoại vụ, Huyện đoàn, Tỉnh đoàn, Liên đoàn Lao động, Mặt trận Tổ quốc từ Trung ương đến địa phương. - Phóng viên, biên tập báo, đài phát thanh và truyền hình từ Địa phương đến Trung ương; Bảo tàng viên, thuyết minh viên tại bảo tàng Lịch sử, văn hóa, khu quản lý di tích Lịch sử, nhà truyền thống.
Học tập nâng cao trình độ	Người tốt nghiệp có thể tiếp tục học thạc sĩ và tiến sĩ trong và ngoài nước.
Chương trình tham khảo khi xây dựng	- Chương trình Cử nhân Sư phạm Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. - Chương trình Cử nhân Sư phạm Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. - Chương trình đào tạo của các trường Đại học Sư



	phạm Quốc gia Changhua (Đài Loan), trường Đại học Quốc gia Seoul (Hàn Quốc).
Thời gian cập nhật bản mô tả	Tháng /2026

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo giáo viên môn Lịch sử có trình độ đại học; có năng lực dạy học môn lịch sử ở trường phổ thông, làm việc tại các cơ quan cần thiết chuyên môn lịch sử; tiếp tục học bằng đại học thứ hai, học cao học, nghiên cứu sinh khối ngành khoa học xã hội. Sau khi tốt nghiệp, người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; kiến thức cơ bản, chuyên môn, nghiệp vụ tốt; có khả năng vận dụng lý luận vào thực tiễn dạy học lịch sử ở trường phổ thông; có năng lực ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- PO1. Có kiến thức lý thuyết cốt lõi, kiến thức thực tế toàn diện về chuyên ngành Lịch sử.
- PO2. Có kiến thức về Lý luận dạy học Lịch sử, Tâm lý học, Giáo dục học và vận dụng được trong dạy học, giáo dục học sinh.
- PO3. Có kiến thức về khoa học xã hội & nhân văn, ngôn ngữ và văn hóa, khoa học Mác-Lênin; tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh; đường lối cách mạng của Đảng, pháp luật Việt Nam.
- PO4. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu, trải nghiệm nghề nghiệp.
- PO5: Vận dụng thành thạo kiến thức, kỹ năng về công nghệ thông tin cơ bản trong dạy học, giáo dục học sinh.
- PO6. Có kiến thức cơ bản về quản lý trường phổ thông, giáo viên, người học.
- PO7. Thực hiện tốt các phương pháp, kỹ thuật dạy học trong rèn luyện và giáo dục học sinh.
- PO8. Có kỹ năng tư vấn, hỗ trợ HS, kịp thời giúp HS giải quyết khó khăn trong học tập.
- PO9. Có kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp, đọc và dịch tài liệu phục vụ dạy học.
- PO10. Có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm đối với người học, nhà trường, xã hội.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

4.1. Kiến thức

* Kiến thức chung

PLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật Việt Nam trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

PLO2: Vận dụng được các kiến thức tâm lý học, giáo dục học, quản lý nhà trường để tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục.

* Kiến thức chuyên môn

Ch. Chu

PLO3: Thiết lập được hệ thống kiến thức cốt lõi về lịch sử Việt Nam, lịch sử Thế giới, lý luận phương pháp dạy học lịch sử cho nhiệm vụ học tập, nghiên cứu và công việc chuyên môn.

PLO4: Vận dụng kiến thức về khoa học lịch sử và khoa học giáo dục vào dạy học môn Lịch sử và tổ chức các hoạt động giáo dục khác ở trường phổ thông.

4.2. Về kỹ năng

* Kỹ năng chung

PLO5: Giao tiếp hiệu quả và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.

PLO6: Khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin trong tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học, đánh giá và quản lý học sinh; thực hiện đổi mới, sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp.

PLO7: Sử dụng được tiếng Anh tương đương bậc 3/6 trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

* Kỹ năng chuyên môn

PLO8: Thành thạo trong thu thập, xử lý các nguồn tư liệu lịch sử để giải quyết các vấn đề trong học tập, nghiên cứu; xây dựng bộ ngữ liệu dạy học Lịch sử ở trường phổ thông.

PLO9: Lập được kế hoạch và tổ chức được các hoạt động học cho học sinh trong dạy học Lịch sử và các hoạt động giáo dục ở trường phổ thông để phát triển năng lực học sinh.

PL10: Vận dụng được phương pháp dạy học bộ môn, liên môn và các phương pháp giáo dục trong phát triển phẩm chất, năng lực học sinh ở trường phổ thông.

4.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO11: Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan.

PLO12: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm, học tập suốt đời; đánh giá để đưa ra kết luận và có giải pháp cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.

5. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu chương trình	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo											
	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn		Kỹ năng chung			Kỹ năng chuyên môn			NL tự chủ và trách nhiệm	
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
PO1			X									
PO2		X	X									

thi Am

PO3	X											
PO4								X				X
PO5				X		X				X		
PO6					X							
PO7							X		X	X		
PO8									X			
PO9							X					
PO10											X	

6. Phương pháp/chiến lược dạy – học và phương pháp kiểm tra đánh giá

6.1. Phương pháp/chiến lược dạy – học

6.1.1. Các phương pháp/chiến lược dạy học

Mỗi môn học trong chương trình đều được sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau như: thuyết trình, seminar, bài tập, thảo luận, thực hành, E-learning.

Phương pháp thuyết trình: được sử dụng đối với phần kiến thức lý thuyết. Mục đích là giúp sinh viên có hiểu biết sâu sắc về những nội dung lý thuyết của học phần.

Phương pháp bài tập: được sử dụng đối với phần kiến thức bài tập. Mục đích là vận dụng kiến thức môn học vào việc giải quyết các nhiệm vụ liên quan đến môn học; Rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ sử học để thuyết trình báo cáo kết quả bài tập; Kỹ năng tương tác với tập thể; Kỹ năng viết và trình bày bảng. Hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm, giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên.

Phương pháp seminar, thảo luận: được sử dụng đối với phần kiến thức seminar, thảo luận. Mục đích là rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ sử học để thuyết trình, trao đổi các nội dung cần thảo luận của môn học. Rèn luyện kỹ năng báo cáo, tự nghiên cứu, tương tác và làm việc theo nhóm. Hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm, giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên.

Phương pháp thực hành: được sử dụng đối với các học phần thực hành độc lập hoặc được lồng vào nội dung của môn học. Mục đích là rèn luyện kỹ năng thực hành nghiệp vụ cho sinh viên, giúp sinh viên kiểm chứng các nội dung lý thuyết của môn học. Từ đó nâng cao năng lực thực hành trong quá trình dạy học và nghiên cứu của sinh viên.

Phương pháp E-learning: được áp dụng đối với một số môn học. Mục đích là trao quyền chủ động nhất cho người học về không gian, thời gian và kiến thức. Tuy nhiên hình thức dạy học này đòi hỏi sự đầu tư rất lớn ở người thầy, nên mới triển khai được ở một số ít môn học.

6.1.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/lần để điều chỉnh đáp ứng

M. Quê

yêu cầu đổi mới chương trình và SGK.

- Trong từng học kì, các Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của GV, đặc biệt là GV trẻ để trao đổi, chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao năng lực GV.

- Các học phần của chương trình đều được thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, tâm, đức, trách nhiệm của người thầy.

6.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá

- Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các đánh giá trong khóa học.

6.2.1. Tiêu chí đánh và thang điểm (Rubric đánh giá)

Số tín chỉ của học phần	Số điểm đánh giá quá trình			Tổng số đầu điểm quá trình
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kì	
2	1	1	1	3
3 – 4	1	2	2	5
5	1	2	3	6

- Trọng số điểm:

+ Đánh giá quá trình 50% (trong đó kiểm tra định kỳ 25%, 25% trọng số điểm còn lại do Khoa quy định)/

+ Thi kết thúc học phần: 50%

II. Mô tả chương trình dạy học (Curriculum)

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Loại học phần	Số tín chỉ
1.	Kiến thức chung, 26 tín chỉ	Bắt buộc	26
		Tự chọn	0
2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, 59 tín chỉ	Bắt buộc	47
		Tự chọn	12
3.	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm, 38 tín chỉ	Bắt buộc	35
		Tự chọn	3
4.	Khóa luận, các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp, 6 tín chỉ	Bắt buộc	0
		Tự chọn	6
Tổng số			129

- Kiến thức chung, gồm 10 học phần (không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng). Khối kiến thức chung giúp người học có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội; Rèn luyện thể lực, ý chí và khả năng biện luận về lý tưởng giai cấp khoa học trong xu thế hội nhập và phát triển.

- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, gồm 34 học phần. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Lịch sử;

th *Qu*

kiến thức cơ sở ngành, kiến thức liên ngành (KHXX) và kiến thức chuyên ngành.

- Kiến thức nghiệp vụ sư phạm, gồm 17 học phần. Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm giúp người học nhận biết và vận dụng kiến thức tâm lý học, giáo dục học và phương pháp dạy học Lịch sử trong hoạt động thực tiễn dạy học Lịch sử ở phổ thông. Qua đó sinh viên được rèn nghề, thực hiện các bài giảng theo chương trình bộ môn ở trường phổ thông, đáp ứng được yêu cầu đổi mới dạy học hiện nay.

- Khóa luận, các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp, gồm 7 học phần. Khối kiến thức này giúp người học có kiến thức mở rộng về một số vấn đề mang tính thời sự, nội dung gắn với chương trình phổ thông mới, xây dựng dưới dạng các chuyên đề học tập.

2. Danh sách các học phần

TT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ
I.	Kiến thức chung		26
1	59SPH131	Triết học Mác – Lênin	3
2	59SPE121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
3	59SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	59HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
5	59HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
6	59GEL121	Pháp luật đại cương	2
7	59ENG131	Tiếng Anh 1	3
8	59ENG132	Tiếng Anh 2	3
9	59ENG143	Tiếng Anh 3	4
10	59GIF131	Tin học đại cương	3
II.	Khối kiến thức cơ sở ngành		15
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		9
11	59IOH231	Nhập môn Sử học	3
12	59HIC231	Lịch sử văn minh thế giới	3
13	59GEH231	Nhân học đại cương	3
	<i>Các học phần tự chọn</i>		6
14	59VSI231	Biển, đảo Việt Nam	3
15	59VPG231	VN trong quá trình toàn cầu hóa	3
16	59TOL231	Khuynh hướng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại	3
17	59SAL231	Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam	3
18	59RBV231	Tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam	3
III.	Khối kiến thức chuyên ngành		44
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		38
19	59VAM331	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	3

M. Qu

20	59VPM331	Lịch sử Việt Nam cận đại	3
21	59VHM331	Lịch sử Việt Nam hiện đại	3
22	59WAM331	Lịch sử Thế giới cổ trung đại	3
23	59WPM331	Lịch sử Thế giới cận đại	3
24	59MWH331	Lịch sử Thế giới hiện đại	3
25	59SPV321	Thực tế lịch sử Việt Nam	2
26	59RMF331	Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử	3
27	59HOI331	Lịch sử Quan hệ quốc tế	3
28	59MCA331	CNTB hiện đại	3
29	59SIV331	Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: Lý luận và thực tiễn	3
30	59DHO331	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	3
31	59EAC331	Hợp tác Đông Á sau Chiến tranh lạnh	3
	<i>Các học phần tự chọn</i>		6
32	59SOG331	Chiến lược của các nước lớn ở châu Á – Thái Bình Dương	3
33	59UHV331	Lịch sử đô thị Việt Nam	3
34	59COV331	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	3
35	59WAP331	Chiến tranh và hòa bình trong thế kỉ XX	3
36	59CIT331	Các nền văn minh Việt Nam	3
37	59ASE331	ASEAN trong xu thế toàn cầu hóa	3
38	59MAC331	Trật tự thế giới thời cận - hiện đại	3
39	59SEA331	Đông Nam Á	3
40	59HCM331	Hồ Chí Minh trong lịch sử Việt Nam	3
41	59WCI331	Giai cấp công nhân Việt Nam thời cận đại	3
42	59CIP331	Các tổ chức chính trị quốc tế đương đại	3
43	59VCI331	Danh nhân Việt Nam trong lịch sử	3
44	59NLM331	Phong trào giải phóng dân tộc thế kỉ XX	3
IV.	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm		38
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		35
45	59EPS431	Tâm lý học giáo dục	3
46	59PEP431	Giáo dục học	3
47	59COS431	Giao tiếp sư phạm	3
48	59HST441	Phương pháp dạy học Lịch sử	4
49	59HTS431	Kỹ năng dạy học Lịch sử	3
50	59OFT431	Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử	3
51	59AIT431	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử	3
52	59EUV431	Sử dụng đồ dùng trực quan trong dạy học Lịch sử	3
53	59ATH431	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử	3

Đ. Chu

54	59PPH421	Thực hành sư phạm Lịch sử	2
55	59TRA421	Thực tập sư phạm 1	2
56	59TRA432	Thực tập sư phạm 2	3
	<i>Các học phần tự chọn</i>		3
57	59HTT431	Kỹ thuật dạy học môn Lịch sử	3
58	59DIT431	Tư liệu trong dạy học Lịch sử	3
59	59IIS431	Tạo hứng thú học tập trong dạy học Lịch sử	3
60	59DPS431	Phát triển chương trình nhà trường	3
61	59IEE431	Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp	3
V.	Khóa luận tốt nghiệp, các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		6
62	Khóa luận tốt nghiệp		6
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		6
63	59HES931	Giáo dục di sản trong dạy học KHXH	3
64	59MEP931	Trung Cận Đông thời cận hiện đại	3
65	59RAM931	Cải cách ở châu Á thời cận - hiện đại	3
66	59HSS931	Chủ đề lịch sử và KHXH	3
67	59COE931	Văn hóa của các dân tộc thiểu số ở trung du và miền núi Bắc Bộ	3
68	59RVH931	Các cuộc cải cách trong Lịch sử Việt Nam	3
69	59DSC931	Phát triển năng lực tự học Lịch sử cho học sinh	3
Tổng số			129

Ghi chú: Tổng số **129** tín chỉ (không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất		Năm thứ hai	
Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2
Triết học Mác – Lênin*	Kinh tế chính trị Mác – Lênin*	Chủ nghĩa xã hội khoa học*	Tư tưởng Hồ Chí Minh*
Tiếng anh 1*	Tiếng anh 2*	Tiếng anh 3*	Lịch sử văn minh thế giới*
Tin học đại cương*	Nhân học đại cương*	Biển, đảo Việt Nam	Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử*
Nhập môn Sử học*	Lịch sử Việt Nam cận đại*	Việt Nam trong quá trình toàn cầu hóa	Lịch sử Quan hệ quốc tế*
Lịch sử Việt Nam cổ trung đại*	Lịch sử Thế giới cận đại*	Khuynh hướng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận	Kỹ năng dạy học Lịch sử*

tham

		đại	
Lịch sử Thế giới cổ trung đại*	Thực tế lịch sử Việt Nam*	Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam	
Tâm lý học giáo dục*	Giáo dục học*	Tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam	
Giáo dục thể chất 2*	Giáo dục thể chất 1*	Lịch sử Việt Nam hiện đại*	
		Lịch sử Thế giới hiện đại*	
		Giao tiếp sư phạm*	
		Giáo dục thể chất 3*	
Năm thứ ba		Năm thứ tư	
Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*	Pháp luật đại cương*	Sử dụng đồ dùng trực quan trong dạy học Lịch sử*	Thực tập sư phạm 2*
Lịch sử ngoại giao Việt Nam*	Chủ nghĩa tư bản hiện đại*	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử*	Khóa luận tốt nghiệp
Hợp tác Đông Á sau Chiến tranh lạnh*	Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: Lý luận và thực tiễn*	Thực hành sư phạm Lịch sử*	Giáo dục di sản trong dạy học KHXH
Phương pháp dạy học Lịch sử*	Chiến lược của các nước lớn ở châu Á – Thái Bình Dương	Kỹ thuật dạy học môn Lịch sử	Trung Cận Đông thời cận hiện đại
Thực tập sư phạm 1*	Lịch sử đô thị Việt Nam	Tư liệu trong dạy học Lịch sử	Cải cách ở châu Á thời cận – hiện đại
	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	Tạo hứng thú học tập trong dạy học Lịch sử	Chủ đề lịch sử và KHXH
	Chiến tranh và hòa bình trong thế kỉ XX	Phát triển chương trình nhà trường	Văn hóa của các dân tộc thiểu số ở trung du và miền núi Bắc Bộ
	Các nền văn minh Việt Nam	Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp	Các cuộc cải cách trong Lịch sử Việt Nam

	ASEAN trong xu thế toàn cầu hóa		Phát triển năng lực tự học Lịch sử cho học sinh
	Trật tự thế giới thời cận – hiện đại		
	Đông Nam Á		
	Hồ Chí Minh trong lịch sử Việt Nam		
	Giai cấp công nhân Việt Nam thời cận đại		
	Các tổ chức chính trị quốc tế đương đại		
	Danh nhân Việt Nam trong lịch sử		
	Phong trào giải phóng dân tộc thế kỉ XX		
	Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử*		
	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử*		

Ghi chú: * là học phần bắt buộc

4. Ma trận đóng góp của các khối kiến thức vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

(0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp mức thấp; 2 = Đóng góp mức trung bình; 3 = Đóng góp mức cao)

Các học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo											
	Kiến thức				Kĩ năng						NL tự chủ và trách nhiệm	
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12

Am

Triết học Mác – Lênin	3	0	0	0	2	0	0	0	0	0	2	1
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3	0	0	0	3	0	0	0	0	0	2	2
Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	0	0	0	2	1	0	0	0	0	2	2
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	0	0	0	2	1	0	0	0	0	2	2
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	0	0	0	2	0	0	0	0	0	1	1
Pháp luật đại cương	3	3	0	0	3	0	0	0	0	0	1	1
Giáo dục thể chất 1	0	2	0	0	3	0	0	0	0	0	0	1
Giáo dục thể chất 2	0	3	0	0	3	0	0	0	0	0	0	1
Giáo dục thể chất 3	0	3	0	0	3	0	0	0	0	0	0	1
Tiếng Anh 1	0	0	0	0	3	0	3	0	0	0	0	1
Tiếng Anh 2	0	0	0	0	3	0	3	0	0	0	0	1
Tiếng Anh 3	0	0	0	0	3	0	3	0	0	0	0	1
Tin học đại cương	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	2
Nhập môn sử học	0	0	2	1	1	0	1	0	0	0	1	3
Lịch sử văn minh thế giới	0	0	3	3	0	0	0	2	2	1	2	2
Nhân học đại cương	0	0	3	1	0	1	0	1	1	1	0	2
Biển, đảo Việt Nam	1	0	2	1	0	1	0	2	1	1	0	2
VN trong quá trình toàn cầu hóa	1	0	3	2	0	1	0	1	2	1	0	2
Khuynh hướng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại	0	0	3	3	0	0	0	1	1	1	1	1
Nhà nước và pháp luật trong lịch sử VN	0	0	3	2	0	0	0	1	1	1	1	1
Tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam	1	0	3	1	0	0	0	2	1	0	0	2
Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	0	0	3	1	0	1	0	1	1	1	0	2
Lịch sử Việt Nam cận đại	0	0	3	3	0	0	0	1	1	1	1	1
Lịch sử Việt Nam hiện đại	0	0	3	3	0	0	0	1	1	1	1	1
Lịch sử Thế giới cổ trung đại	0	0	3	3	0	0	0	1	1	2	1	2
Lịch sử Thế giới cận đại	0	0	3	3	0	0	0	1	1	1	0	1
Lịch sử Thế giới hiện đại	2	0	2	2	0	0	0	2	2	2	1	2
Thực tế lịch sử Việt Nam	0	0	3	1	0	0	0	1	0	0	0	1
Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử	0	0	1	2	1	1	0	2	1	2	1	2
Lịch sử Quan hệ quốc tế	0	0	2	1	0	0	1	2	1	1	1	2
CNTB hiện đại	0	0	3	2	0	0	0	2	1	0	0	1
Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: Lý	1	0	3	2	0	0	0	1	0	1	1	1

Ch

luận và thực tiễn												
Lịch sử ngoại giao Việt Nam	1	0	2	0	0	0	0	2	1	0	0	2
Hợp tác Đông Á sau Chiến tranh lạnh	0	0	3	2	0	0	0	1	0	1	0	2
Chiến lược của các nước lớn ở châu Á – Thái Bình Dương	1	0	3	0	0	0	0	2	0	0	0	2
Lịch sử đô thị Việt Nam	0	0	2	1	0	1	0	2	1	0	0	2
Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	0	0	2	1	1	1	0	1	1	1	1	1
Chiến tranh và hòa bình trong thế kỉ XX	1	0	3	0	0	0	0	2	1	1	0	1
Các nền văn minh Việt Nam	0	0	2	1	0	1	0	2	1	1	0	2
ASEAN trong xu thế toàn cầu hóa	0	0	3	3	0	0	0	1	1	1	1	2
Trật tự thế giới thời cận - hiện đại	0	0	3	0	0	0	0	2	0	0	0	1
Đông Nam Á	0	0	3	2	0	0	0	1	1	1	1	2
Hồ Chí Minh trong lịch sử Việt Nam	0	0	2	1	1	1	0	1	1	1	1	2
Giai cấp công nhân VN thời cận đại	0	0	2	1	0	0	0	1	1	1	1	2
Các tổ chức chính trị quốc tế đương đại	0	0	3	0	0	0	0	2	0	2	0	1
Danh nhân Việt Nam trong lịch sử	0	0	3	1	0	1	0	1	1	0	0	2
Phong trào giải phóng dân tộc thế kỉ XX	0	0	4	0	0	0	0	1	0	2	0	1
Tâm lý học giáo dục	0	3	0	0	3	0	0	0	0	0	0	2
Giáo dục học	0	3	0	0	2	1	0	0	0	0	0	2
Giao tiếp sư phạm	0	3	0	0	1	0	0	0	0	0	2	2
Phương pháp dạy học Lịch sử	1	0	2	1	1	0	1	0	0	0	1	1
Kỹ năng dạy học Lịch sử	0	2	2	2	1	2	0	1	2	2	1	2
Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử	1	0	2	1	1	0	1	0	0	0	1	1
Ứng dụng CNTT trong dạy học Lịch sử	0	1	3	3	0	2	0	2	1	1	1	1
Sử dụng đồ dùng trực quan trong DHLS	0	2	3	2	0	1	0	2	2	1	1	1
Kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông	0	1	2	1	1	0	1	1	2	2	0	2
Thực hành sư phạm Lịch sử	0	0	2	2	0	3	0	2	2	0	2	2

th. Cam

Thực tập sư phạm 1	0	3	0	0	0	3	0	0	0	0	2	2
Thực tập sư phạm 2	0	3	0	0	0	3	0	0	0	0	2	2
Kĩ thuật dạy học môn Lịch sử	0	1	3	1	0	0	0	1	1	1	1	1
Tư liệu trong dạy học Lịch sử	0	0	2	1	2	0	1	2	1	0	0	2
Tạo hứng thú học tập trong dạy học Lịch sử	0	2	2	2	0	1	0	1	2	2	1	2
Phát triển chương trình nhà trường	3	0	2	0	0	1	1	1	0	0	0	2
Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp	1	3	0	0	2	2	0	0	0	0	0	2
Giáo dục di sản trong dạy học KHXH	0	0	3	1	0	1	0	0	1	1	1	1
Trung Cận Đông thời cận hiện đại	0	0	3	1	0	0	0	2	0	0	0	2
Cải cách ở châu Á thời cận - hiện đại	0	0	3	2	0	0	0	2	0	2	0	2
Chủ đề lịch sử và KHXH	3	0	2	0	0	1	1	1	0	0	0	2
Văn hóa của các dân tộc thiểu số ở trung du và miền núi Bắc Bộ	1	0	2	1	0	1	0	2	1	1	0	2
Các cuộc cải cách trong Lịch sử VN	0	0	3	1	0	0	0	1	1	1	1	1
Phát triển năng lực tự học Lịch sử cho HS	0	0	2	3	1	0	0	0	0	2	2	0

5. Mô tả tóm tắt các học phần

5.1. 59SPH131. Triết học Mác – Lênin (3 tín chỉ): Học phần cung cấp các kiến thức khái quát về triết học, triết học Mác – Lênin (chương 1); những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật, như: vật chất, ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; các nguyên lý, quy luật, phạm trù của phép biện chứng duy vật; vấn đề lý luận nhận thức (chương 2). Ngoài ra, học phần còn cung cấp các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật lịch sử như: học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội; vấn đề giai cấp; vấn đề nhà nước và cách mạng xã hội; vấn đề tồn tại xã hội và ý thức xã hội; vấn đề con người trong triết học Mác – Lênin (chương 3).

5.2. 59SPE121, Kinh tế chính trị Mác – Lênin (2 tín chỉ): Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp kiến thức cơ sở, nền tảng tư tưởng cho người học là lý luận kinh tế chính trị của Các Mác, Ph.Ăngghen và Lênin về sản xuất hàng hoá và thị trường; về nguồn gốc, bản chất và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư; về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Đồng thời, học phần còn định hướng người học tiếp cận các vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế

M. Qu

chính trị trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

5.3. 59SSO121, Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ): Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học làm rõ những quy luật và tính quy luật về chính trị - xã hội của quá trình hình thành, phát triển của hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học tập trung luận giải nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, xã hội xã hội chủ nghĩa, nền dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

5.4. 59HCM121, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ): Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương, nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, tập trung luận giải nội dung những chuyên đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tư tưởng về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về văn hoá, đạo đức và con người.

5.5. 59HPV121, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ): Môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nghiên cứu về quá trình hình thành, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến 2018, cụ thể: Từ 1930 đến 1945, nghiên cứu về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền; từ 1945 đến 2018, nghiên cứu về quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới. Trên cơ sở đó, học phần khái quát các bài học lớn của cách mạng Việt Nam từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời tới nay.

5.6. 59GEL121, Pháp luật đại cương (2 tín chỉ): Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương của tất cả các chương trình đào tạo. Học phần cung cấp những kiến thức lý luận về nhà nước và pháp luật, nội dung cơ bản của một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình.

5.7. 59PHE121, Giáo dục thể chất 1: Học phần này trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sơ lược nguồn gốc và lịch sử phát triển của môn Bơi; Ý nghĩa, tác dụng của môn Bơi đối với việc tăng cường và rèn luyện sức khỏe cho con người. Hiểu biết về đặc tính của môi trường nước liên quan tới người bơi như: Nguyên lý thủy tĩnh lực học, nguyên lý thủy động lực học, những lực cản tác động đến cơ thể người bơi; Học các giai đoạn của một kỹ thuật Bơi thể thao (Bơi ếch): Cách làm nổi người, lướt nước, học kỹ thuật động tác chân, kỹ thuật động tác tay, phối hợp chân với tay, động tác thở, phối hợp động tác tay với thở; phối hợp tay- chân- thở hoàn thiện toàn bộ kỹ thuật kiểu Bơi ếch thể thao.



5.8. 59PHE122, Giáo dục thể chất 2: Học phần Giáo dục thể chất II (Tự chọn) dành cho sinh viên không chuyên ngành GDTC Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về nguồn gốc, lịch sử, đặc điểm, lợi ích, tác dụng của môn thể thao; thực hiện được các kỹ - chiến thuật cơ bản của môn thể thao; phương pháp tập luyện và thi đấu; xác định được nguyên nhân và cách phòng ngừa các chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện và thi đấu. Hình thành những kỹ năng, kỹ xảo về kỹ thuật cơ bản môn thể thao, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

5.9. 59PHE123, Giáo dục thể chất 3: Học phần Giáo dục thể chất III (Tự chọn) dành cho sinh viên không chuyên ngành TDTT Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết về nguồn gốc, lịch sử, đặc điểm, lợi ích, tác dụng của môn thể thao đã lựa chọn ở học phần; thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn thể thao; phương pháp tập luyện và thi đấu; phân tích được một số chấn thương thường gặp, cách phòng ngừa các chấn thương. Hình thành những kỹ năng kỹ xảo về kỹ thuật cơ bản môn thể thao, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu về công việc và cuộc sống.

5.10. 59ENG131, Tiếng Anh 1 (3 tín chỉ): Môn **Tiếng Anh 1** là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm. Môn học **Tiếng Anh 1** cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thử thách để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, môn học này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn gọn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học Spark và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

5.11. 59ENG132, Tiếng Anh 2 (3 tín chỉ): Môn **Tiếng Anh 2** là học phần kế tiếp của Tiếng Anh 1, là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm. Môn **Tiếng Anh 2** trang bị cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có "to", các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiện ở một số



quốc gia trên thế giới. Học phần này tiếp tục rèn luyện cho người học các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh ở cấp độ Bậc 3 thấp gồm nghe, nói, đọc và viết, đặt trong 4 chủ đề chính như đã nêu ở trên. Kết thúc học phần này, trong phạm vi các chủ đề đã học, người học có khả năng nói chuyện, nghe lấy ý chính và lấy thông tin, đọc hiểu ý chính và đọc lấy thông tin, viết thư thân mật. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MyELT và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

5.12. 59ENG143, Tiếng Anh 3 (4 tín chỉ): Môn **Tiếng Anh 3** là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm. Học phần **tiếng Anh 3** tiếp tục bổ sung cho sinh viên lượng từ vựng về các chủ đề Kỳ nghỉ; Sản phẩm; Lịch sử và Tự nhiên cùng với các chủ điểm ngữ pháp về câu bị động ở hiện tại và quá khứ; quá khứ hoàn thành, câu hỏi cho chủ ngữ và tân ngữ, tính từ đuôi *-ing* và đuôi *-ed*; cấu trúc *used to*, câu gián tiếp; câu điều kiện loại 2, các đại từ bất định. Ngoài ra, ở học phần này, sinh viên tiếp tục được rèn luyện các kỹ năng giao tiếp trong tiếng Anh như: nghe hiểu được các cuộc hội thoại, các cuộc phỏng vấn và các bài viết; đọc hiểu các bài báo về các chủ đề được học; trình bày quan điểm cá nhân, lập kế hoạch hay phỏng vấn và rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn đơn giản. Cùng với các học phần tiếng Anh 1, 2, học phần tiếng Anh 3 tiếp tục phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh cho sinh viên ở trình độ tiếng Anh bậc 3 ở mức trung bình theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động giao tiếp.

5.13. 59GIF131, Tin học đại cương (3 tín chỉ): Học phần Tin học đại cương cung cấp các kiến thức cơ bản về: Cấu trúc chung của máy tính; xử lý lỗi cơ bản của máy tính; hệ điều hành. Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word. Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel. Thao tác với slide; định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide; tạo siêu liên kết trong Microsoft Powerpoint. Mạng máy tính và an toàn thông tin; một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

5.14. 59IOH231, Nhập môn Sử học (3 tín chỉ): Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về lịch sử, Khoa học Lịch sử; những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh được vận dụng trong nghiên cứu, học tập lịch sử.

5.15. 59HIC231, Lịch sử văn minh thế giới (3 tín chỉ): Học phần đề cập đến những vấn đề lý luận và thực tiễn về văn minh nhân loại. Các nền văn minh trong lịch sử; sự xuất hiện, các phát minh lớn, các thành tựu, sự suy tàn và tình kế thừa của các nền văn minh từ cổ xưa đến hiện đại. Sự khác biệt giữa văn minh phương Đông và phương Tây cũng như sự va chạm giữa các nền văn minh trong lịch sử nhân loại. Thành tựu nổi bật thay đổi sức sản xuất, kỹ thuật, năng suất lao động của văn minh công nghiệp và sự ra đời của chủ nghĩa Tư bản. Bước phát triển nhảy vọt của văn minh hiện đại với những hình thức nhà nước mới, những học thuyết xã hội mới, ảnh hưởng của thành tựu khoa học công nghệ mới đối với nhân loại. Những cơ hội và thách thức

mới đối với nhân loại hiện nay.

5.16. 59GEH231, Nhân học đại cương (3 tín chỉ): Nội dung học phần bao gồm các kiến thức tổng quan về ngành Nhân học: khái niệm, đối tượng, quan điểm nghiên cứu, lịch sử hình thành và phát triển, các trường phái và các phương pháp nghiên cứu trong Nhân học; kiến thức về một số vấn đề nghiên cứu của nhân học cũng như các vấn đề của đời sống con người dưới góc độ tiếp cận Nhân học: 1- nguồn gốc, về sự tiến hóa của loài người và các chủng tộc trên thế giới; 2- tộc người và quá trình tộc người; 3- thân tộc, dòng họ, hôn nhân và gia đình; 4- văn hóa, ngôn ngữ tộc người; 5- kinh tế; 6- tổ chức xã hội và phân tầng xã hội.

5.17. 59VSI231, Biển, đảo Việt Nam (3 tín chỉ): Nội dung học phần gồm: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về biển Đông nói chung và biển, đảo của Việt Nam, bao gồm: vị trí lãnh thổ, điều kiện tự nhiên và vai trò của biển, đảo Việt Nam; Vấn đề chủ quyền vùng biển của Việt Nam trên biển Đông; Chiến lược biển của Việt Nam và giáo dục biển đảo trong nhà trường.

5.18. 59VPG231, Việt Nam trong quá trình toàn cầu hóa (3 tín chỉ): Đây là môn học trong chương trình đào tạo giáo viên khối khoa học xã hội, có liên hệ chặt chẽ với các môn học: địa lí và lịch sử về thế giới và Việt Nam. Môn học trang bị cho sinh viên hiểu biết những vấn đề cơ bản về toàn cầu hóa nói chung: khái niệm, quá trình phát triển, biểu hiện và tác động trên phạm vi thế giới, những yếu tố quy định toàn cầu hóa giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở đó, trang bị cho học sinh kiến thức để hiểu biết, đánh giá về điều kiện, chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước và quá trình tham gia toàn cầu hóa của Việt Nam; biểu hiện và tác động của toàn cầu hóa đối với Việt Nam; cơ hội và thách thức cho đất nước và bản thân.

5.19. 59TOL231, Khuynh hướng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại (3 tín chỉ): Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức hệ thống các vấn đề cốt lõi về khuynh hướng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời kì cận đại, bao gồm: khuynh hướng giải phóng dân tộc theo ý thức hệ phong kiến cuối thế kỷ XIX và sự thất bại của nó trước các nhiệm vụ lịch sử; tiếp theo khuynh hướng giải phóng dân tộc theo ý thức hệ dân chủ tư sản đầu thế kỷ XX cũng thất bại; khuynh hướng giải phóng dân tộc theo ý thức hệ vô sản sau đó đã hình thành, đã được lịch sử lựa chọn. Trải qua quá trình đấu tranh lâu dài, năm 1930, Đảng cộng sản Việt Nam ra đời đã lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản đi đến thắng lợi cuối cùng với cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945.

5.20. 59SAL231, Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam (3 tín chỉ): Nhà nước và pháp luật là sản phẩm của quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nó ra đời cùng với Nhà nước và không tách rời khỏi Nhà nước; pháp luật là công cụ thể hiện quyền lực của Nhà nước. Nhà nước cũng như pháp luật đó là sản phẩm, bộ phận của thượng tầng kiến trúc do phương thức sản xuất quy định. Mỗi một hình thái kinh tế - xã hội đều có một kiểu nhà nước - pháp luật tương đương. Quá trình hình thành và phát triển nhà nước và pháp luật tạo nên những biến đổi to lớn và sâu sắc của đất nước, tác

B. Chu

động đến lịch sử phát triển của dân tộc. Học phần cung cấp, trang bị cho sinh viên những kiến thức toàn diện, hệ thống về nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam. Vì vậy, đây là một học phần quan trọng trong chương trình đào tạo của Khoa Lịch sử.

5.21. 59RBV231, Tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam (3 tín chỉ): Học phần trang bị kiến thức về: Nguồn gốc, bản chất của tôn giáo, tín ngưỡng; các hình thức tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống và các tôn giáo được nhà nước công nhận ở Việt Nam; vai trò, tác động và chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước Việt Nam về tôn giáo, tín ngưỡng.

5.22. 59VAM331, Lịch sử Việt Nam cổ trung đại (3 tín chỉ): Môn học hệ thống hóa lịch sử Việt Nam cổ trung theo các vấn đề. Cụ thể: Thời kỳ nguyên thủy, thời Bắc thuộc, sự phát triển kế tiếp của các triều đại, các thời đại lịch sử; quá trình ra đời và hoàn thiện của hệ thống nhà nước và pháp luật; những thành tựu về phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội; lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc và những cuộc chiến tranh chống ngoại xâm bảo vệ độc lập dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ. Các vấn đề trên được trình bày theo lịch đại, đồng thời ở mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn lịch sử, các vấn đề sẽ được phân tích, đánh giá khách quan và khoa học.

5.23. 59VPM331, Lịch sử Việt Nam cận đại (3 tín chỉ): Môn học hệ thống hóa Lịch sử Việt Nam cận đại theo các vấn đề cụ thể: Quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam; những chuyển biến của kinh tế - xã hội - tư tưởng Việt Nam dưới chính sách thống trị của Pháp; phong trào chống Pháp từ 1858 đến 1945; sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam đến năm 1945.

5.24. 59VHM331, Lịch sử Việt Nam hiện đại (3 tín chỉ): Học phần cung cấp, trang bị cho sinh viên những kiến thức toàn diện, hệ thống về Lịch sử Việt Nam thời kì hiện đại, theo phân kì được tính từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay. Đây là thời kì đấu tranh oanh liệt giành độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, tạo nên những biến đổi to lớn và sâu sắc của đất nước. Thời kì này giữ một vị trí quan trọng trong lịch sử phát triển của dân tộc. Vì vậy, đây là một học phần quan trọng trong chương trình đào tạo của Khoa Lịch sử.

5.25. 59WAM331, Lịch sử Thế giới cổ trung đại (3 tín chỉ): Học phần cung cấp, trang bị cho sinh viên những kiến thức toàn diện, hệ thống về sự hình thành và tiến hóa của loài người; lịch sử chính trị, kinh tế, văn hóa các quốc gia cổ đại và các quốc gia phong kiến. Học phần làm rõ về 3 hình thái kinh tế - xã hội trong tổng số 5 hình thái kinh tế - xã hội trong tiến trình phát triển của lịch sử loài người.

5.26. 59WPM331, Lịch sử Thế giới cận đại (3 tín chỉ): Tiếp sau chương trình lịch sử thế giới cổ - trung đại, học phần Lịch sử thế giới cận đại trang bị cho người học những nội dung toàn diện về: Sự ra đời, xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản; Sự ra đời, phát triển của phong trào công nhân và cộng sản quốc tế; Quá trình xâm lược và chống xâm lược giành độc lập dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh; Quan hệ quốc tế và các cuộc chiến tranh thời cận đại; Sự phát triển của khoa học, kĩ thuật, văn

Am

học, nghệ thuật thời cận đại.

5.27. 59MWH331, Lịch sử thế giới hiện đại (3 tín chỉ): Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về: Quá trình hình thành, phát triển và sụp đổ của Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu; Các nước tư bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay; Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế từ năm 1917 đến nay; Quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay; Các nước Á, Phi, Mĩ Latinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay; Cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại và xu thế toàn cầu hóa.

5.28. 59SPV321, Thực tế lịch sử Việt Nam (3 tín chỉ): Môn học tạo môi trường thực tế cho sinh viên vận dụng các kiến thức về Lịch sử Việt Nam đã học trong lý thuyết qua thực tiễn; từ đó, nâng cao kiến thức đã học, kết hợp giữa lý luận và thực tế, học đi đôi với hành; rèn luyện các kỹ năng, kỹ luật tập thể. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng sưu tầm, khai thác, xử lý tư liệu lịch sử, viết báo cáo thu hoạch hoặc biên soạn lịch sử địa phương, cách thức tổ chức hoạt động ngoại khoá. Thông qua việc nghiên cứu tại thực địa, tham quan và học tập tại các di tích lịch sử, sinh viên được trang bị kiến thức thực tế phục vụ cho nghiên cứu chuyên ngành; đồng thời bồi dưỡng lòng tự hào về lịch sử dân tộc.

5.29. 59RMF331, Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử (3 tín chỉ): Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về: Các bước thực hiện công trình nghiên cứu khoa học; cách khai thác, xử lý các nguồn tư liệu; phương pháp nghiên cứu lịch sử và cách trình bày công trình nghiên cứu lịch sử với các hình thức bài báo/sách/đề tài nghiên cứu khoa học các cấp. Thực hành những kiến thức đã học và có sản phẩm nghiên cứu.

5.30. 59HOI331, Lịch sử quan hệ quốc tế (3 tín chỉ): Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức toàn diện, hệ thống về: Quá trình hình thành hệ thống quan hệ quốc tế; Quá trình phát triển của mối quan hệ giữa các quốc gia, những biến động lớn trong quan hệ quốc tế. Từ đó, sinh viên bước đầu có cơ sở lịch sử để phân tích những sự kiện đã qua và rèn luyện khả năng dự báo tình hình trước những biến chuyển đang tiếp diễn trong đời sống chính trị thế giới.

5.31. 59MCA331, Chủ nghĩa tư bản hiện đại (3 tín chỉ): Học phần Chủ nghĩa tư bản hiện đại giới thiệu cho người học một cách hệ thống về lịch sử vận động của chủ nghĩa tư bản hiện đại từ sau năm 1945 đến nay. Trên cơ sở lý luận chung về chủ nghĩa tư bản, học phần tập trung phân tích những yếu tố thúc đẩy sự xuất hiện của CNTB độc quyền nhà nước, những điều chỉnh, thích nghi, biến đổi của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Từ đó, học phần cũng có những đánh giá và phân tích về đặc điểm, bản chất, triển vọng phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện nay để giúp sinh viên có những kiến thức thực tiễn hơn. Môn học giúp trang bị thêm cho người học những phương pháp và cách tiếp cận để có thể vận dụng trong nghiên cứu lịch sử thế giới nói chung, lịch sử chủ nghĩa tư bản nói riêng.

5.32. 59SIV331, Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: Lý luận và thực tiễn (3 tín



M. Qu

chỉ): Học phần giới thiệu cho người học hệ thống lý luận và quá trình phát triển của chủ nghĩa xã hội từ lý luận trở thành hiện thực với sự hoàn thiện của nó qua thực tế cách mạng thế giới và Việt Nam. Bao gồm: Lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin về CNXH; Sự hình thành chủ nghĩa xã hội ở một nước (trong đó có Việt Nam) trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc cho đến sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới, trình bày về những thành tựu, cống hiến và sai lầm của chủ nghĩa xã hội hiện thực, cũng như nguyên nhân sụp đổ của Liên Xô và các nước Đông Âu; Nhận thức và sự vận dụng sáng tạo lý luận Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội, thành tựu xây dựng CNXH ở Việt Nam. Từ đó, rút ra những kinh nghiệm, bài học lịch sử và triển vọng về xã hội chủ nghĩa trong tương lai.

5.33. 59DHO331, Lịch sử ngoại giao Việt Nam (3 tín chỉ): Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức toàn diện, hệ thống về bối cảnh, chủ trương và các hoạt động ngoại giao thời kì hiện đại, theo phân kì được tính từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay. Tuy nhiên, để làm rõ hơn về vai trò xuyên suốt của đấu tranh ngoại giao trong lịch sử dân tộc, học phần còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thực tiễn ngoại giao Việt Nam từ thời kì dựng nước đến năm 1945.

5.34. 59EAC331, Hợp tác Đông Á sau Chiến tranh lạnh (3 tín chỉ): Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức mang tính hệ thống chuyên sâu về tiến trình hợp tác khu vực tại Đông Á. Trên cơ sở phân tích các yếu tố mang tính chất nền tảng thúc đẩy hợp tác khu vực, môn học cung cấp cho người học một cái nhìn toàn diện về tình hình, thành tựu, triển vọng của hợp tác khu vực. Từ đó, môn học sẽ liên hệ, phân tích một cách khoa học những quan điểm cơ bản của Đảng ta trong quá trình hội nhập khu vực cũng như vai trò, vị thế của Việt Nam trong quá trình này.

5.35. 59SOG331, Chiến lược của các nước lớn ở châu Á – Thái Bình Dương (3 tín chỉ): Học phần trình bày những kiến thức toàn diện về vị thế và chiến lược của các cường quốc ở châu Á – Thái Bình Dương. Trong các giai đoạn lịch sử cụ thể, học phần tiến tới việc phân tích một cách khoa học hoàn cảnh, yếu tố chi phối, định vị khu vực châu Á trong chiến lược của một số cường quốc. Những tác động, hệ quả lịch sử của mối quan hệ này đối với các chủ thể có liên quan cũng như đối với tình hình chính trị quốc tế nói chung, trong đó có Việt Nam cũng được phân tích kỹ lưỡng.

5.36. 59UHV331, Lịch sử đô thị Việt Nam (3 tín chỉ): Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đô thị, lịch sử đô thị, đặc biệt là lịch sử đô thị Việt Nam. Trên cơ sở đó, trang bị cho học sinh kiến thức để biết, hiểu và đánh giá về quá trình hình thành và phát triển, đặc điểm của đô thị Việt Nam các thời kì nói chung và một số đô thị tiêu biểu (Thăng Long – Hà Nội, Huế, Hội An, TP Hồ Chí Minh...) nói riêng; thực trạng đô thị Việt Nam và những định hướng trong quy hoạch, thiết kế và quản lý đô thị hiện nay.

5.37. 59COV331, Cộng đồng các dân tộc Việt Nam (3 tín chỉ): Học phần cung cấp và hướng dẫn sinh viên tìm hiểu những kiến thức cốt lõi về cộng đồng các dân tộc Việt Nam: nguồn gốc, sự phân bố, các đặc trưng văn hóa của các dân tộc thông

M. Qu

qua trang phục, lễ hội, phong tục tập quán, kiến trúc của họ; hiểu được tính đa dạng thống nhất của các tộc người thiểu số trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam; góp phần vào việc học tập, giảng dạy, nghiên cứu Lịch sử và các vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn nói chung. Vì vậy, đây là một học phần quan trọng trong chương trình đào tạo của Khoa Lịch sử.

5.38. 59WAP331, Chiến tranh và hòa bình trong thế kỉ XX (3 tín chỉ): Học phần giới thiệu cho người học về các cuộc chiến tranh trong thế kỉ XX, bao gồm: Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918); Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945); Chiến tranh lạnh (1947-1989); Các cuộc nội chiến, xung đột quân sự khu vực. Phân tích nguyên nhân cơ bản và đánh giá những hậu quả, tác động của các cuộc chiến tranh đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Đồng thời, thông qua học phần, người học cũng thấy được khát vọng hoà bình và cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới giữa các cuộc chiến tranh thế giới và hiện nay.

5.39. 59CIT331, Các nền văn minh Việt Nam (3 tín chỉ): Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về các nền văn minh trên đất nước Việt Nam qua các thời kỳ. Trên cơ sở đó, trang bị cho học sinh kiến thức để nêu được cơ sở hình thành, thành tựu và đặc điểm của các nền văn minh; biết vận dụng hiểu biết về các nền văn minh cổ để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam; nhận thức được giá trị trường tồn của các nền văn minh trên đất nước Việt Nam; Có ý thức trân trọng truyền thống lao động cần cù, sáng tạo của dân tộc Việt Nam trong lịch sử. Có trách nhiệm trong việc góp phần bảo tồn các di sản văn hoá của dân tộc.

5.40. 59ASE331, ASEAN trong quá trình toàn cầu hóa (3 tín chỉ): Đây là môn học trong chương trình đào tạo giáo viên khối khoa học xã hội, có liên hệ chặt chẽ với các môn học: địa lí và lịch sử về thế giới và Việt Nam. Môn học trang bị cho sinh viên hiểu biết những vấn đề cơ bản về toàn cầu hóa nói chung: khái niệm, quá trình phát triển, biểu hiện và tác động trên phạm vi thế giới, những yếu tố quy định toàn cầu hóa giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở đó, trang bị cho học sinh kiến thức để hiểu biết, đánh giá về điều kiện, chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước và quá trình tham gia toàn cầu hóa của Việt Nam; biểu hiện và tác động của toàn cầu hóa đối với Việt Nam; cơ hội và thách thức cho đất nước và bản thân.

5.41. 59MAC331, Trật tự thế giới thời cận – hiện đại (3 tín chỉ): Học phần giới thiệu cho người học những lí luận cơ bản về trật tự thế giới, quá trình hình thành và tồn tại của các trật tự thế giới thời kỳ cận – hiện đại. Thông qua đó, học phần giúp người học nắm được đặc điểm và sự tác động của các trật tự thế giới đối với quan hệ quốc tế và các chủ thể có liên quan.

5.42. 59SEA331, Đông Nam Á (3 tín chỉ): Đông Nam Á là học phần tự chọn, được trình bày dưới dạng chuyên đề. Cấu trúc học phần gồm 4 chương với các nội dung chủ yếu sau: Quá trình nhận thức về khu vực Đông Nam Á; Lịch sử Đông Nam Á từ khởi đầu đến giữa thế kỷ XIX; Phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân Đông Nam Á và Đông Nam Á trong quá trình hội nhập, phát triển.

Ms. Qu

5.43. 59HCM331, Hồ Chí Minh trong lịch sử Việt Nam (3 tín chỉ): Cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh gắn liền với cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội của nhân dân Việt Nam và nhiều dân tộc trên thế giới. Học phần cung cấp, trang bị cho sinh viên những kiến thức toàn diện, hệ thống về hoạt động và vai trò của Người trong Lịch sử Việt Nam cận hiện đại, với nội dung chính: Sự xuất hiện của Hồ Chí Minh trong lịch sử dân tộc; Hồ Chí Minh với sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh với sự phát triển của cách mạng Việt Nam trong tiến trình lịch sử dân tộc; Tư tưởng Hồ Chí Minh – di sản quý báu của dân tộc và thời đại. Đây là một học phần quan trọng trong chương trình đào tạo của Khoa Lịch sử, giúp người học nâng cao nhận thức, vận dụng kiến thức vào công tác nghiên cứu, giảng dạy lịch sử.

5.44. 59WCI331, Giai cấp công nhân Việt Nam thời cận đại (3 tín chỉ): Học phần cung cấp, trang bị cho sinh viên những kiến thức toàn diện, hệ thống về giai cấp công nhân Việt Nam thời kì cận đại, theo phân kì được tính từ khi ra đời đến Cách mạng tháng Tám năm 1945. Đây là thời kì giai cấp công nhân Việt Nam ra đời và phát triển, phong trào công nhân ngày càng phát triển, có vai trò quan trọng, tạo nên những biến đổi to lớn và sâu sắc của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc của đất nước. Vì vậy, đây là một học phần quan trọng trong chương trình đào tạo của Khoa Lịch sử.

5.45. 59CIP331, Các tổ chức chính trị quốc tế đương đại (3 tín chỉ): Học phần giới thiệu cho người học những hiểu biết về các tổ chức chính trị quốc tế đương đại: Lý do ra đời, cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động và vai trò trong đời sống chính trị quốc tế đương đại. Đồng thời nêu những nét chính về quan hệ giữa Việt Nam với các tổ chức quốc tế, qua đó tìm ra những giải pháp để tiếp tục phát triển mối quan hệ này trên tiến trình hội nhập khu vực và hợp tác quốc tế.

5.46. 59VCI331, Danh nhân Việt Nam trong lịch sử (3 tín chỉ): Môn học trình bày những kiến thức cơ bản về danh nhân Việt Nam trong lịch sử, từ thời kỳ dựng nước đến ngày nay, trên mọi lĩnh vực: Chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, giáo dục, tư tưởng... Đồng thời, môn học cũng đề cập đến đánh giá vai trò của các danh nhân tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam.

5.47. 59NLM331, Phong trào giải phóng dân tộc thế kỉ XX (3 tín chỉ): Học phần giới thiệu cho người học hệ thống lý luận của Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa thực dân và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Quá trình xâm lược Á, Phi, Mỹ Latinh, ách thống trị của chủ nghĩa thực dân và cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập, giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước sau khi giành độc lập của các dân tộc ở các khu vực này.

5.48. 59EPS431, Tâm lý học giáo dục (3 tín chỉ): Học phần Tâm lý học giáo dục là học phần bắt buộc nằm trong Khối kiến thức cơ sở, có mối quan hệ mật thiết với các học phần khác như: Giáo dục học, Giao tiếp sư phạm và các học phần khác thuộc chương trình đào tạo giáo viên. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tâm lý học giáo dục như: bản chất, chức năng, các hiện tượng tâm lý người;

đặc điểm phát triển tâm lý trẻ em ở từng thời kỳ lứa tuổi; cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học; cơ sở tâm lý học của hoạt động giáo dục đạo đức. Đặc biệt, môn học cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về các nguyên tắc đạo đức và kỹ năng hỗ trợ tâm lý trong trường học để vận dụng vào việc giảng dạy, nghiên cứu tâm lý con người, hình thành và phát triển nhân cách học sinh, hỗ trợ học sinh giải quyết những khó khăn tâm lý.

5.49. 59PEP431, Giáo dục học (3 tín chỉ): Giáo dục học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo giáo viên. Học phần đề cập đến: những vấn đề chung của giáo dục học, lý luận dạy học, lý luận giáo dục, những yêu cầu về nhân cách của người giáo viên trong môi trường đa văn hóa và cách mạng 4.0. Học phần có mối quan hệ với các môn Tâm lý học giáo dục, giao tiếp sư phạm, phương pháp dạy học bộ môn... góp phần hình thành năng lực nghề nghiệp cho người giáo viên tương lai.

5.50. 59COS431, Giao tiếp sư phạm (3 tín chỉ): Học phần Giao tiếp sư phạm là học phần bắt buộc nằm trong Khối kiến thức nghiệp vụ, có mối quan hệ mật thiết với các học phần khác như: Tâm lý học giáo dục, Giáo dục học và các học phần khác thuộc chương trình đào tạo giáo viên. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giao tiếp, giao tiếp sư phạm như: các giai đoạn của quá trình giao tiếp; nguyên tắc, phong cách, kỹ năng giao tiếp sư phạm, quy tắc ứng xử trong trường học.... Từ đó hình thành ở người học những kỹ năng, thái độ tương ứng để xử lý có hiệu quả các tình huống giao tiếp trong thực tiễn và hoạt động nghề nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh đa văn hóa và công nghệ số.

5.51. 59HST441, Phương pháp dạy học Lịch sử (4 tín chỉ): Môn học trang bị những vấn đề lý luận về phương pháp dạy học lịch sử (khái niệm, phân loại); về hệ thống các phương pháp dạy học lịch sử như: Trình bày miệng, sử dụng đồ dùng trực quan, sử dụng tài liệu, dạy học hợp tác, dạy học dự án... và một số kỹ thuật dạy học: sơ đồ tư duy, khăn trải bàn... được vận dụng trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông.

5.52. 59HTS431, Kỹ năng dạy học Lịch sử (3 tín chỉ): Môn học cung cấp những kiến thức về vị trí, tầm quan trọng và biện pháp rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông. Thực hành các kỹ năng cụ thể: trình bày miệng, trình bày bảng, sử dụng sách giáo khoa trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông.

5.53. 59OFT431, Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử (3 tín chỉ): Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về bài học lịch sử ở trường phổ thông; Cách thức tổ chức bài học lịch sử trên lớp và hoạt động ngoại khóa; Kiểm tra, đánh giá trong dạy học lịch sử.

5.54. 59AIT431, Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử (3 tín chỉ): Học phần Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử sẽ trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về kỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển kỹ năng cần thiết như khai thác tài liệu dạy học điện tử, xây dựng bản đồ tư duy,

thiết kế bảo tàng ảo, thiết kế bài giảng điện tử, thiết kế trò chơi lịch sử, kỹ năng tổ chức dạy học trực tuyến, kiểm tra đánh giá với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin.

5.55. 59EUV431, Sử dụng đồ dùng trực quan trong dạy học Lịch sử (3 tín chỉ): Học phần Sử dụng đồ dùng trực quan trong dạy học Lịch sử sẽ trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về quan niệm, đặc trưng chủ yếu, phân loại, vai trò, ý nghĩa của đồ dùng trực quan; hướng dẫn kỹ năng xây dựng và sử dụng đồ dùng trực quan theo hướng phát triển năng lực người học trong dạy học bộ môn.

5.56. 59ATH431, Kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử (3 tín chỉ): Học phần trang bị kiến thức về các hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Hiểu được cách xây dựng và sử dụng sản phẩm học tập; hồ sơ học tập. Áp dụng được các kỹ thuật dạy học như là công cụ kiểm tra đánh giá.

5.57. 59PPH421, Thực hành sư phạm Lịch sử (2 tín chỉ): Nội dung học phần gồm 2 chương:

Chương 1. Xây dựng kế hoạch bài dạy môn Lịch sử.

Chương 2. Thực hành dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông.

5.58. 59TRA421, Thực tập sư phạm 1 (2 tín chỉ): Nội dung môn học Thực tập sư phạm 1 nhằm giúp người học hiểu được thực tế giáo dục, tiếp xúc với học sinh và giáo viên các cơ sở thực tập; qua đó hình thành tình cảm nghề nghiệp, thúc đẩy quá trình tự rèn luyện theo yêu cầu của nghề nghiệp; hiểu được các nội dung công việc chuyên môn của người giáo viên bộ môn, có được những kỹ năng ban đầu về công tác chủ nhiệm lớp.

5.59. 59TRA432, Thực tập sư phạm 2 (3 tín chỉ): Nội dung môn học Thực tập sư phạm 2 nhằm giúp người học hoàn thiện những kỹ năng về công tác chủ nhiệm lớp, công tác giáo dục; nâng cao tình cảm, đạo đức nghề nghiệp; có những kỹ năng cơ bản về soạn bài, lên lớp, tổ chức bài giảng, đánh giá kết quả học tập của học sinh; có thể lên lớp giảng bài và làm chủ nhiệm lớp một cách độc lập.

5.60. 59HTT431, Kỹ thuật dạy học môn Lịch sử (3 tín chỉ): Học phần Kỹ thuật dạy học tích cực trong môn Lịch sử ở trường phổ thông sẽ trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về những nội dung cơ bản của các kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học lịch sử; hướng dẫn kỹ năng lựa chọn và sử dụng kỹ thuật dạy học theo hướng phát triển năng lực người học trong dạy học bộ môn.

5.61. 59DIT431, Tư liệu trong dạy học Lịch sử (3 tín chỉ): Học phần trang bị kiến thức về các khái niệm về tư liệu và các loại tư liệu trong dạy học lịch sử. Giúp sinh viên phân biệt được các loại tư liệu lịch sử và có thể nắm được vai trò, tác dụng của tư liệu trong dạy học lịch sử. Vận dụng được các hình thức sử dụng tư liệu trong dạy học lịch sử ở trường THPT.

5.62. 59IIS431, Tạo hứng thú học tập trong dạy học Lịch sử (3 tín chỉ): Môn học giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về tạo hứng thú học tập trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông. Rèn luyện cho sinh viên phương pháp và kỹ năng trong



quá trình rèn nghề. Nội dung môn học tập trung về vấn đề làm thế nào học sinh có hứng thú trong học tập môn Lịch sử ở trường phổ thông. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn của việc tạo hứng thú học tập, sinh viên vận dụng được các biện pháp để tạo hứng thú học tập trong quá trình dạy học.

5.63. 59DPS431, Phát triển chương trình nhà trường (3 tín chỉ): Môn học Phát triển chương trình nhà trường cung cấp những nội dung lý luận chung về chương trình, như: chức năng, nhiệm vụ, lịch sử phát triển chương trình; quan điểm và nguyên tắc xây dựng chương trình... Bên cạnh đó, môn học còn trang bị cho người học những kinh nghiệm về xây dựng chương trình của một số quốc gia trên thế giới. Đồng thời, môn học cũng cung cấp các kiến thức cơ bản về phân tích cấu trúc chương trình gắn với mục tiêu, nội dung kiến thức cơ bản, xây dựng kế hoạch dạy học và xác định các phương pháp dạy học phù hợp ở trường phổ thông.

5.64. 59IEE431, Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp (3 tín chỉ): Học phần Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm của các chương trình đào tạo cử nhân của trường Đại học Sư phạm. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, giúp người học phát triển các kỹ năng để thực hiện đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp cho học sinh ở các trường phổ thông.

5.65. 59HES931, Giáo dục di sản trong dạy học KHXH (3 tín chỉ): Sử dụng di sản trong dạy học Khoa học xã hội là môn học tự chọn, phục vụ chủ yếu cho học viên cao học từ nguồn giáo viên các trường phổ thông. Môn học cung cấp những hiểu biết sâu sắc về di sản, những biện pháp khai thác, xây dựng và sử dụng di sản vào dạy học Khoa học xã hội. Trên cơ sở đó, học viên được phát triển các năng lực dạy học lịch sử gắn với di sản.

5.66. 59MEP931, Trung Cận Đông thời cận – hiện đại (3 tín chỉ): Học phần này gồm 3 chương trình bày những kiến thức cơ bản về một số vấn đề ở khu vực Trung Cận Đông thời kì cận - hiện đại. Trong đó tập trung chủ yếu tìm hiểu về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên; Đặc điểm dân cư và quá trình tộc người; Sự phức tạp về dân tộc và tôn giáo của khu vực này; Những biến động của lịch sử, biên giới, địa chính trị, quan hệ quốc tế ở khu vực qua các thời kỳ; Quan hệ của Việt Nam với Trung Cận Đông. Trong đó, môn học đặc biệt chú trọng phân tích, đánh giá một cách hệ thống các xung đột khu vực với tư cách là những “điểm nóng” của thế giới. Môn học cũng phân tích những tác động của tình hình khu vực đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Ngoài ra, môn học cũng cung cấp những cơ sở lý luận và thực tiễn để người học có thể dự báo chiều hướng biến động tình hình khu vực.

5.67. 59RAM931, Cải cách ở châu Á thời cận – hiện đại (3 tín chỉ): Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức toàn diện, hệ thống về: Bối cảnh quốc tế, khu vực và tình hình xã hội các nước châu Á thời cận, hiện đại; Tính tất yếu và yêu cầu khách quan của quá trình cải cách; Quá trình cải cách ở các nước châu Á; Hệ quả và tác động của cải cách.



Qu

5.68. 59HSS931, Chủ đề lịch sử và KHXH (3 tín chỉ): Môn học Chủ đề Lịch sử và chủ đề Khoa học xã hội trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông trang bị cho sinh viên kiến thức về dạy học theo chủ đề; hướng dẫn sinh viên xác định chủ đề Lịch sử, chủ đề Khoa học xã hội, hướng dẫn quy trình thiết kế chủ đề, chuyên đề học tập môn Lịch sử. Đồng thời môn học định hướng cho sinh viên vận dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học theo chủ đề Lịch sử và chủ đề Khoa học xã hội.

5.69. 59COE931, Văn hóa của các dân tộc thiểu số ở trung du và miền núi Bắc Bộ (3 tín chỉ): Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về văn hóa của các dân tộc thiểu số ở trung du và miền núi Bắc Bộ Việt Nam: khát quá về vùng trung du và miền núi Bắc Bộ, dân tộc thiểu số ở trung du và miền núi Bắc Bộ; văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần của các dân tộc thiểu số ở trung du và miền núi Bắc Bộ; Qua đó, đánh giá được giá trị/vai trò và những biến đổi của văn hóa dân tộc thiểu số ở trung du và miền núi Bắc Bộ; Trên cơ sở đó, đề xuất giải pháp để bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa của các tộc người thiểu số ở trung du và miền núi Bắc Bộ.

5.70. 59RVH931, Các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam (3 tín chỉ): Môn học hệ thống hóa về những cuộc cải cách và tư tưởng cải cách trong lịch sử Việt Nam theo các vấn đề cụ thể: Khái quát được các nguyên nhân dẫn đến các cuộc cải cách và tư tưởng cải cách, nội dung và kết quả, những nhân vật tiêu biểu của các cuộc cải cách và tư tưởng cải cách trong các giai đoạn phát triển của lịch sử Việt Nam thời kì trung đại, cận đại và hiện đại theo phân kì lịch sử. Các vấn đề trên được trình bày theo lịch đại, đồng thời ở mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn lịch sử, các vấn đề sẽ được phân tích, đánh giá khách quan và khoa học.

5.71. 59DSC931, Phát triển năng lực tự học Lịch sử cho học sinh (3 tín chỉ): Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về sự cần thiết phải hình thành năng lực tự học cho học sinh; phân tích được những căn cứ để xác định hệ thống năng lực tự học; khả năng vận dụng nhuần nhuyễn các cách thức, biện pháp hình thành năng lực tự học cho học sinh trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông. Trên cơ sở đó, xây dựng được kế hoạch tự học lịch sử cho học sinh góp phần nâng cao chất lượng dạy học bộ môn.



Handwritten signature in blue ink.